



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 05

Ngày 15 tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

29/12/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 615/NQ-HĐND về việc phân bổ kinh phí để thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2025	4
29/12/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 616/NQ-HĐND về việc phân bổ kinh phí bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương tại Quyết định số 1860/QĐ-TTg ngày 27/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ	9
29/12/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 617/NQ-HĐND về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giao cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh	11
29/12/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 618/NQ-HĐND về việc phân bổ nguồn ngân sách tỉnh năm 2025 ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh (đợt 2)	19
29/12/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 619/NQ-HĐND về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	21

UBND TỈNH

09/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 75/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tỉnh Sơn La giai đoạn 2026-2030.	28
09/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 77/QĐ-UBND về việc đính chính một số nội dung tại Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Sơn La năm 2026	39
10/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 78/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Sơn La.	41
10/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 79/QĐ-UBND định giá cụ thể nước sạch của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	42
10/01/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 80/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch và giao chỉ tiêu đưa người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài năm 2026	46
10/01/2026	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 03/CT-UBND tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026.	64

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 615/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ kinh phí để thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 38**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội.

Căn cứ Quyết định số 2670/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho các địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2025;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 871/TTr-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 1208/BC -VHXXH ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025, để đảm bảo nguồn kinh phí chi trả chính sách an sinh xã hội còn thiếu so với nhu cầu thực tế của các sở, ngành, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh, số tiền 243.760 triệu đồng (*Hai trăm bốn mươi ba tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*).

Nguồn kinh phí:

- Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương năm 2025 tại Quyết định số 2670/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, số tiền 181.000 triệu đồng.

- Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2025, số tiền 62.760 triệu đồng.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết; thực hiện giải ngân nguồn kinh phí khi-đảm bảo các điều kiện theo quy định.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 38 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

Phụ lục
BỔ SUNG DỰ TOÁN NSNN ĐỂ THỰC HIỆN
CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các cơ quan, đơn vị được giao dự toán	Dự toán giao bổ sung thực hiện chính sách ASXH năm 2025
	TỔNG CỘNG	243.760
I	Cấp tỉnh	46.160
1	Sở Giáo dục và đào tạo	45.842
2	Trường Cao đẳng Y tế Sơn La	318
II	Cấp xã/phường	197.600
1	Phường Tô Hiệu	-
2	Phường Chiềng An	2.081
3	Phường Chiềng Cơi	664
4	Phường Chiềng Sinh	1.313
5	Xã Thuận Châu	4.490
6	Xã Chiềng La	3.546
7	Xã Bình Thuận	1.754
8	Xã Mường Khiêng	2.145
9	Xã Nậm Lầu	3.407
10	Xã Muối Nọi	1.507
11	Xã Co Mạ	4.784
12	Xã Long Hẹ	1.716
13	Xã Mường Bám	274
14	Xã Mường É	1.276
15	Xã Mai Sơn	8.007
16	Xã Chiềng Mai	-
17	Xã Phiêng Păn	2.555
18	Xã Chiềng Mung	3.798
19	Xã Phiêng Cầm	3.667
20	Xã Mường Chanh	528
21	Xã Tà Hộc	1.879

22	Xã Chiềng Sung	60
23	Xã Yên Châu	1.704
24	Xã Chiềng Hạc	622
25	Xã Phiêng Khoài	909
26	Xã Lóng Phiêng	-
27	Xã Yên Sơn	1.059
28	Phường Mộc Châu	4.231
29	Phường Mộc Sơn	3.754
30	Phường Thảo Nguyên	1.514
31	Phường Vân Sơn	384
32	Xã Lóng Sập	2.182
33	Xã Đoàn Kết	2.969
34	Xã Tân Yên	1.309
35	Xã Chiềng Sơn	1.114
36	Xã Phù Yên	6.756
37	Xã Gia Phù	2.281
38	Xã Mường Cơi	7.869
39	Xã Mường Bang	1.020
40	Xã Tường Hạ	1.512
41	Xã Kim Bôn	1.018
42	Xã Tân Phong	1.344
43	Xã Suối Tọ	4.199
44	Xã Bắc Yên	3.287
45	Xã Tà Xùa	2.124
46	Xã Xím Vàng	2.451
47	Xã Tạ Khoa	1.766
48	Xã Pắc Ngà	1.019
49	Xã Chiềng Sại	425
50	Xã Mường La	2.949
51	Xã Mường Bú	3.408
52	Xã Chiềng Hoa	4.053

53	Xã Chiềng Lao	2.013
54	Xã Ngọc Chiến	775
55	Xã Quỳnh Nhai	4.207
56	Xã Mường Sại	4.942
57	Xã Mường Giôn	5.068
58	Xã Mường Chiên	8.034
59	Xã Sông Mã	3.151
60	Xã Bó Sinh	4.325
61	Xã Mường Lầm	1.184
62	Xã Nậm Ty	2.966
63	Xã Chiềng Sơ	1.550
64	Xã Chiềng Khoong	4.714
65	Xã Huổi Một	6.467
66	Xã Mường Hung	4.481
67	Xã Chiềng Khương	186
68	Xã Sốp Cộp	6.115
69	Xã Púng Bính	7.085
70	Mường Lạn	4.961
71	Mường Lèo	1.195
72	Xã Vân Hồ	2.012
73	Xã Tô Múa	566
74	Xã Song Khủa	1.439
75	Xã Xuân Nha	1.481

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Số: 616/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kinh phí bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách
Trung ương cho ngân sách địa phương tại Quyết định số 1860/QĐ-TTg
ngày 27/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 38**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1860/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí cho các địa phương tổ chức Triển lãm thành tựu Đất nước nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày Quốc khánh;

Xét Tờ trình số 870/TTr-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1208/BC-VHXX ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương về nguồn Dự phòng ngân sách tỉnh để theo dõi, quản lý theo quy định, số tiền: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Nguồn kinh phí: Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương tại Quyết định số 1860/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 38 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 617/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giao cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 38**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 882/TTr-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 954/BC-DT ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giao cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 (vốn chuyển nguồn) nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ngân sách huyện Mai Sơn (cũ) quản lý đã được điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 ngân sách cấp tỉnh

quản lý tại Nghị quyết số 546/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh: 643,295 triệu đồng.

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ngân sách huyện Sông Mã (cũ) quản lý đã được điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 ngân sách cấp tỉnh quản lý tại Nghị quyết số 546/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh: 626,953 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trong các trường hợp cần thiết, nhằm bảo đảm kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, không làm thay đổi tổng mức vốn đã được Hội đồng nhân dân quyết định; báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 38 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

Biểu số 01

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (VỐN CHUYỂN NGUỒN) NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI HUYỆN MAI SƠN (CŨ) QUẢN LÝ VỀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 617/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch vốn năm 2025 (vốn chuyển nguồn từ các năm trước) tại Nghị quyết số 546/NQ-HĐND ngày 22/8/2025	Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2025 (vốn chuyển nguồn từ các năm trước) sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
							Trong đó:	Ngân sách huyện					
	TỔNG SỐ					34.280,134	31.701,405	900,000	989,617	643,295	643,295	989,617	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					3.057,000	2.904,150	-	442,322	96,000	96,000	442,322	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt					3.057,000	2.904,150	-	442,322	96,000	96,000	442,322	
*	Dự án hoàn thành quyết toán					2.200,000	2.090,000	-	442,322	96,000	-	346,322	
1	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Pá Nó, xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nà Bó	2024-2025	484-08/3/2024	2.200,000	2.090,000		442,322	96,000		346,322	
*	Các dự án chuyển tiếp					857,000	814,150	-	-	-	96,000	96,000	96,000

1	Sửa chữa, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Táng xã Chiềng Lương	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Pản	2025	545/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	857,000	814,150				96,000	96,000	
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công					31.223,134	28.797,255	900,000	547,295	547,295	547,295	547,295	
2.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					31.223,134	28.797,255	900,000	547,295	547,295	547,295	547,295	
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.					31.223,134	28.797,255	900,000	547,295	547,295	547,295	547,295	
*	Dự án hoàn thành quyết toán					22.146,094	20.174,067	900,000	547,295	547,295	-	-	
1	Nhà Văn hoá xã Chiềng Mai	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Mai	2022 - 2023	1232- 27/6/2024	2.400,000	1.380,000	900,000	116,047	116,047			
2	Công trình Nhà Văn hóa bản Nà Pòng - Pá Po, Phiêng Pản	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Pản	2024 - 2025	3792 ngày 24/11/2023	1.000,000	950,000		27,740	27,740			
3	Đường giao thông liên bản Nà Viên đi bản Páng Sắng, xã Chiềng Khéo	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông	Xã Chiềng Mai	2024 - 2025	3739 ngày 17/11/2023	2.400,000	2.281,172		11,526	11,526			

[illegible]

Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
VÀ MIỀN NÚI HUYỆN SÔNG MÃ (CŨ) QUẢN LÝ VỀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 617/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Danh mục Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch giao năm 2025 tại Nghị quyết số 546/NQ-HĐND ngày 22/8/2025	Phương án điều chỉnh		Kế hoạch giao năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
	TỔNG SỐ					40.302	Nguyên vốn CTMTQG	Ngân sách huyện	12.313,056	626,953	626,953	12.313,056	
1		Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công				40.302	40.302	-	12.313,056	626,953	626,953	12.313,056	
1.1		Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				40.302	40.302	-	12.313,056	626,953	626,953	12.313,056	
a		Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.				40.302	40.302	-	12.313,056	626,953	626,953	12.313,056	

*	Các Dự án hoàn thành quyết toán					11.905	11.905	2.813,056	82,081	626,953	3.357,928
1	Đường giao thông nội bản từ bản Páng đến bản Huổi Púng, xã Yên Hưng	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Sơ	2024 - 2025	2006 12/7/2024	1.350	1.350	200,000		98,242	298,242
2	Nhà lớp học mầm non bản Pá Lưng, xã Chiềng En	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Bó Sinh	2024 - 2025	5559 13/11/2023	900	900	100,000		6,836	106,836
3	Nhà văn hóa bản Búa Hùn, xã Nậm Ty	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Ty	2024 - 2025	5575 13/11/2023	850	850	100,000		9,258	109,258
4	Thủy lợi bản Nà Phung, xã Nậm Ty	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Ty	2024 - 2025	5577 13/11/2023	1.155	1.155	372,473	82,081		290,392
5	Nhà văn hóa bản Phá Thóng, xã Đứa Mòn	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lầm	2024 - 2025	5558 13/11/2023	900	900	200,000		11,686	211,686
6	Nhà văn hóa bản Hua Tát, xã Chiềng Cang	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Hưng	2024 - 2025	5539 10/11/2023	900	900	100,000		24,791	124,791
7	Nhà văn hóa bản Tin Tát, xã Chiềng Cang	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Hưng	2024 - 2025	5541 10/11/2023	850	850	200,000		26,089	226,089
8	Nhà văn hóa bản Pá Lãnh, xã Nậm Ty	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Ty	2024 - 2025	5578- 13/11/2023	850	850	200,000		172,881	372,881
9	Thủy lợi bản Púng Hay, xã Nậm Mần	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Huổi Mốt	2024 - 2025	5566 13/11/2023	1.500	1.500	640,583		48,669	689,252
10	Nhà văn hóa bản Hua	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã	Xã	2024	5576	850	850	200,000		157,688	357,688

	Cát, xã Nậm Ty	thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Nậm Ty	- 2025	13/11/2023											
11	Cầu treo qua suối Lẹ bản Nà Hò - khu Buôn Ban, xã Mường Sai	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Khương	2024 - 2025	5585 13/11/2023	1.800	1.800	500,000	70,813	570,813						
*	Các Dự án chuyển tiếp					28.397	28.397	9.500,000	544,872	8.955,128						
1	Dự án điện nông thôn, điện không an toàn trên địa bàn huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Các xã: Chiềng Khương, Mường Hung, Chiềng Khoong, Sông Mã,, Huổi Một, Nậm Ty, Mường Lâm; Bó Sinh	2022 - 2025	4738 20/9/2022	28.397	28.397	9.500,000	544,872	8.955,128						

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 618/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ nguồn ngân sách tỉnh năm 2025 ủy thác
qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với
người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh (đợt 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 38**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng khác;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng khác;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 865/TTr-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 954/BC-DT ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ nguồn ngân sách tỉnh năm 2025 ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh (đợt 2), số tiền 54.257.000.000 đồng (Năm mươi tư tỷ, hai trăm năm mươi bảy triệu đồng chẵn).

Nguồn kinh phí:

- Nguồn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, số tiền 4.257.000.000 đồng.

- Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2025: 50.000.000.000 đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết. Đối với nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2025, chỉ thực hiện giải ngân khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay theo quy định.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 38 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 619/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025
nguồn thu tiền sử dụng đất

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 38

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 857/TTr-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1275/BC-KTNS ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất, như sau:

1. Tổng vốn đề nghị phân bổ: 110.800 triệu đồng.
2. Phương án phân bổ: Phân bổ 110.800 triệu đồng thực hiện 14 dự án thuộc kế hoạch đầu tư công nguồn thu tiền sử dụng đất.

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 38 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 619/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 15/12/2025		
				Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh						
	TỔNG SỐ			2.077.470	1.750.403	732.473	635.596	798.888	173.444	110.800	
A	DỰ ÁN HOÀN THÀNH CHƯA BỐ TRÍ ĐỦ NHU CẦU			134.002	134.002	125.220	127.485	31.900	23.119	2.265	
I	Nông, lâm nghiệp thủy lợi thủy sản			132.702	132.702	124.702	126.689	30.600	22.600	1.987	
1	Dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Huổi Hâu, xã Chiềng Lao	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1069-31/05/2021	13.902	13.902	13.102	13.689	1.800	1.000	587	
2	Dự án Kè chống sạt lở khu Trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1939-28/9/2023	118.800	118.800	111.600	113.000	28.800	21.600	1.400	
II	Công trình công cộng tại các đô thị			1.300	1.300	519	797	1.300	519	278	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 15/12/2025		
2	Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư bán Mòn, xã Thôm Mòn	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	2255 07/5/2024	1.300	1.300	519	797	1.300	519	278	
B	DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CỐ NHU CẦU BỔ SUNG VỐN THỰC HIỆN BT GPMB, THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH			1.418.273	1.091.206	598.753	508.111	600.031	141.825	66.185	
I	Y tế, dân số và gia đình			6.000	6.000	4.500	5.883	2.000	500	1.383	
1	Dự án Trạm y tế xã Mường Cơi, huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTXD Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	2318- 05/11/2024	6.000	6.000	4.500	5.883	2.000	500	1.383	
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			12.500	12.500	2.000	9.777	12.500	2.000	7.777	
2	Dự án Trường THCS Chiềng Khoang, xã Chiềng Khoang, huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	5950- 15/12/2023	7.000	7.000	1.000	5.687	7.000	1.000	4.687	

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh		
V	Công trình công cộng tại các đô thị			14.183	14.183	11.037	2.807	14.183	2.807	1.450
1	Dự án Đầu tư hạ tầng khu Tái định cư tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu	UBND phường Mộc Sơn	1742 31/10/2022	14.183	14.183	11.037	2.807	14.183	2.807	1.450
C	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2025			525.196	525.196	8.500	-	166.957	8.500	42.350
I	Hoạt động cơ quan quản lý nhà nước			468.586	468.586	6.300	-	109.857	6.300	30.550
1	Dự án Trụ sở chính Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng, Công nghiệp và PTĐT	2162- 27/8/2025	44.900	44.900	3.000		44.900	3.000	10.000
2	Dự án Cải tạo, xây dựng mới các công trình trong khuôn viên Tỉnh ủy	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng, Công nghiệp và PTĐT	2473- 30/9/2025	423.686	423.686	3.300		64.957	3.300	20.550
II	Giao thông			49.510	49.510	2.200	-	50.000	2.200	7.800
1	Dự án Đường nội thị dọc kè suối Muội, hệ thống thoát lũ và các hạng mục phụ trợ, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	UBND xã Thuận Châu	1760 11/7/2025	49.510	49.510	2.200		50.000	2.200	7.800

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 15/12/2025		
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			7.100	7.100			7.100		4.000	
1	Dự án Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường THCS Hua La và mua sắm thiết bị cho các trường học năm 2025 - 2026	UBND phường Chiềng Cơi	3191 11/12/2025	7.100	7.100			7.100		4.000	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 75/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6 năm 2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 380/TTr-SCT ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La (có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành chức năng và UBND các xã, phường có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giáo dục và Đào tạo; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc Công ty Điện lực Sơn La; Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Môi trường Đô thị và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng
tiết kiệm và hiệu quả tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030**

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030.

2. Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, hoạt động của chương trình, tăng cường công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ kỹ thuật, nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển sản phẩm, chuyển đổi thị trường, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tranh thủ kinh nghiệm và sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế...Nhằm tạo chuyển biến đột phá trong sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh, nhất là các lĩnh vực: sản xuất công nghiệp; công trình xây dựng sử dụng nhiều năng lượng; các tòa nhà công, chiếu sáng công cộng; giao thông vận tải; nông nghiệp, thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi; hoạt động dịch vụ, hộ gia đình; phổ biến phương tiện, thiết bị hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng.

3. Tạo nền tảng, hình thành thói quen trong sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với mọi hoạt động của xã hội và là hoạt động thường xuyên đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm, các ngành kinh tế trọng điểm tiêu thụ nhiều năng lượng; giảm cường độ sử dụng năng lượng trong các ngành nghề, lĩnh vực kinh tế góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường, hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Tiết kiệm từ 4 - 6% tổng mức tiêu thụ năng lượng toàn tỉnh so với dự báo trong giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể:

- Đối với khu vực Công nghiệp: tiết kiệm 5 - 6% so với tổng tiêu thụ năng lượng toàn ngành.

- Xây dựng: tiết kiệm 4 - 5% so với tổng tiêu thụ năng lượng toàn ngành.

- Đối với khu vực Thương mại - Dịch vụ: tiết kiệm 5 - 6% so với tổng tiêu thụ năng lượng toàn ngành.

- Đối với khu vực dân cư: tiết kiệm 5 - 6% so với tổng tiêu thụ năng lượng toàn ngành.

- Đối với khu vực Nông - Lâm - Thủy sản: tiết kiệm 6% so với tổng tiêu thụ năng lượng toàn ngành.

- Cơ quan, công sở nhà nước: tiết kiệm 10% so với tổng tiêu thụ năng lượng toàn ngành. Tiết kiệm 5% tổng sản lượng điện thương phẩm toàn tỉnh so với dự báo.

2. Giảm mức tổn thất điện năng xuống thấp hơn 4,8%.
3. Đảm bảo 100% cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm áp dụng hệ thống quản lý năng lượng theo quy định, trong đó 100% doanh nghiệp vận tải trọng điểm có chương trình phổ biến kỹ năng điều khiển phương tiện/giải pháp kỹ thuật trong khai thác, sử dụng phương tiện giao thông cơ giới theo hướng tiết kiệm năng lượng.
4. 50% các cơ sở sản xuất của Khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh được tiếp cận, áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
5. Đạt 90% khu công nghiệp và 70% cụm công nghiệp được tiếp cận, áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
6. 100% công trình xây dựng mới sử dụng vốn ngân sách phải áp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.
7. 50% công trình xây dựng mới trụ sở làm việc sử dụng vốn ngân sách có lắp đặt điện mặt trời mái nhà.
8. 100% hệ thống chiếu sáng tại xã, phường được thay thế, lắp đặt, xây dựng mới bằng hệ thống chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện và công nghệ điều khiển hiện đại.
9. 100% trường học tại trung tâm xã, phường có hoạt động tuyên truyền, giảng dạy về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
10. 90% hộ dân cư được tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về sử dụng phương tiện công cộng, nhằm tiết kiệm chi phí năng lượng.

III. NỘI DUNG

1. Rà soát, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
 - Triển khai, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019.
 - Xây dựng và ban hành các quy định, hướng dẫn sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo thẩm quyền; các chính sách, chương trình hỗ trợ kỹ thuật, tài chính trong đó tập trung hỗ trợ vào các ngành công nghiệp - xây dựng.
 - Xây dựng hệ thống cập nhật cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh.
2. Hỗ trợ kỹ thuật và tài chính nhằm thúc đẩy các dự án đầu tư về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các hoạt động sản xuất, cải tạo, chuyển đổi thị trường phương tiện, trang thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất.
 - Triển khai giải pháp tiết kiệm năng lượng tại các ngành sản xuất công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp trọng điểm như: xi măng, sản xuất gạch, chế biến chè, sữa, chế biến nông sản...

- Thực hiện các nhóm giải pháp hỗ trợ để giúp cho các doanh nghiệp, hộ tiêu dùng và các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm giảm mức tiêu hao năng lượng, kích thích sử dụng các sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

- Hỗ trợ chuyển đổi, thay thế các trang thiết bị lạc hậu, tiêu tốn năng lượng bằng các thiết bị tiết kiệm năng lượng và các giải pháp tiết kiệm năng lượng giúp doanh nghiệp đạt được định mức tiêu hao năng lượng.

- Thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng, chuyển đổi thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao, áp dụng mô hình sử dụng năng lượng tái tạo trong các hộ gia đình.

- Triển khai thay thế, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng hiệu suất cao và công nghệ điều khiển hệ thống chiếu sáng công cộng hiện đại, tiết kiệm điện tại các xã, phường.

- Triển khai ứng dụng năng lượng tái tạo, năng lượng thay thế nhiên liệu truyền thống theo lộ trình của Chính phủ (LNG, nhiên liệu sinh học, năng lượng điện, năng lượng có tiềm năng khác,...) đối với phương tiện, thiết bị giao thông vận tải.

- Xây dựng mô hình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ứng dụng các mô hình điện mặt trời mái nhà, các thiết bị, công nghệ và giải pháp sử dụng năng lượng thông minh tại các trụ sở cơ quan, tòa nhà văn phòng, trường học.

3. Tăng cường năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Đào tạo, tăng cường năng lực cho cán bộ, công chức, các cơ quan quản lý các cấp, các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp... về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương trong việc tổ chức quản lý thực hiện các quy định của Nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho các đơn vị tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng công trình; đào tạo người quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.

4. Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Tổ chức điều tra, thu thập số liệu, thống kê tình hình sử dụng năng lượng theo các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện báo cáo kiểm toán năng lượng và áp dụng mô hình quản lý năng lượng của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; các quy định về định mức tiêu hao năng lượng trong các ngành công nghiệp.

- Kiểm tra việc thực hiện chương trình phổ biến kỹ năng điều khiển phương tiện/giải pháp kỹ thuật trong khai thác, sử dụng phương tiện giao thông cơ giới theo hướng tiết kiệm năng lượng của các doanh nghiệp vận tải.

5. Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng

- Xây dựng Chương trình/Đề án truyền thông phổ biến các thông tin về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2025 - 2030; Triển lãm giới thiệu công nghệ, sản phẩm tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện tuyên truyền trên phương tiện thông tin báo đài, truyền hình về tiết kiệm năng lượng trong sản xuất, kinh doanh, đời sống xã hội nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về tiết kiệm năng lượng của cộng đồng, doanh nghiệp và xã hội; tổ chức triển khai Chương trình trao giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Hình thành thói quen sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua các hoạt động tuyên truyền, vận động về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, các sản phẩm và công nghệ tiết kiệm năng lượng.

- Lồng ghép những kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong xây dựng chương trình đào tạo và tuyên truyền, giảng dạy về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

6. Tăng cường quan hệ, hợp tác quốc tế sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Tăng cường hợp tác quốc tế đối với các đơn vị, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng để nâng cao năng lực, ứng dụng các phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng trong sản xuất, kinh doanh, vận tải...

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong hợp tác quốc tế thực hiện chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực về tiết kiệm năng lượng.

7. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Lồng ghép lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào các chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới.

- Kiểm soát công nghệ, hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ nhằm loại bỏ dần các công nghệ, thiết bị không hiệu quả về năng lượng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kinh phí thực hiện Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 được trích từ nguồn ngân sách tỉnh, nguồn hỗ trợ từ Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả từ ngân sách Trung ương và vốn của các doanh nghiệp, hộ gia đình. Đối với kinh phí sử dụng từ ngân sách được cấp theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành (*Ngân sách tỉnh đảm bảo đối với kinh phí thực hiện tại các sở, ban ngành trực thuộc tỉnh; Ngân sách của các xã, phường đảm bảo đối với kinh phí thực hiện tại các xã, phường*).

2. Kinh phí thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030:

- Nguồn kinh phí sự nghiệp công thương.

- Đối với nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh, hàng năm, căn cứ vào các nội dung của Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm

vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí chi tiết thực hiện, gửi cơ quan Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh, xem xét phê duyệt theo quy định.

3. Bố trí, sử dụng kinh phí

- Nguồn vốn từ Ngân sách: Cấp cho việc tăng cường chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; tuyên truyền phổ biến thông tin, vận động cộng đồng, nâng cao nhận thức cho cộng đồng; điều tra, khảo sát, thu thập thông tin xây dựng Cơ sở dữ liệu năng lượng của tỉnh; phổ biến các trang thiết bị hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, từng bước loại bỏ các trang thiết bị hiệu suất thấp; Xây dựng mô hình “sử dụng tiết kiệm năng lượng trong hộ gia đình”, “gia đình tiết kiệm”; xây dựng mô hình quản lý năng lượng tại cơ sở sản xuất công nghiệp, tòa nhà, cơ quan, công sở; hỗ trợ một phần cho các doanh nghiệp sản xuất trong việc đầu tư, thay thế các thiết bị, phương tiện cũ công nghệ lạc hậu tiêu tốn nhiều năng lượng và hỗ trợ cho một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện kiểm toán năng lượng; xây dựng và thực hiện các mô hình thí điểm về tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

- Nguồn vốn tài trợ của tổ chức quốc tế: Để mở rộng hợp tác quốc tế thuộc phạm vi của Chương trình, tranh thủ các nguồn tài trợ của các tổ chức nhằm giảm chi ngân sách nhà nước.

- Nguồn vốn của doanh nghiệp tham gia chương trình dùng để thực hiện kiểm toán năng lượng; đầu tư, thay thế các thiết bị, phương tiện cũ công nghệ lạc hậu tiêu tốn năng lượng đáp ứng việc tiết kiệm năng lượng của doanh nghiệp, tạo ra sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

- Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan đầu mối chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của tỉnh; có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình; xây dựng kế hoạch triển khai theo các nội dung của Chương trình; tổng hợp các báo cáo định kỳ theo yêu cầu với Bộ Công Thương và UBND tỉnh; tổng hợp các vướng mắc báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm và giai đoạn; tổ chức hội nghị, hội thảo; kiểm tra việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng Chương trình/Đề án truyền thông tiết kiệm năng lượng tỉnh Sơn La. Phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh, UBND các xã, phường tuyên truyền tiết kiệm năng lượng trong sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm về tiết kiệm năng lượng của cộng đồng, doanh nghiệp và xã hội.

- Thực hiện kiểm tra giám sát các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm theo Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, các Nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thực hiện huy động các nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia Chương trình theo quy định.

2. Sở Xây dựng

Chỉ đạo, tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Xây dựng, cụ thể:

- Tăng cường phổ biến các quy định của pháp luật liên quan đến sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong các công trình xây dựng, giao thông thuộc thẩm quyền được giao;

- Phối hợp với Sở Công thương trong thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp trong hợp tác quốc tế thực hiện chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực về tiết kiệm năng lượng và thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng trong hoạt động kinh doanh vận tải, công nghệ sản xuất khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp vận tải lập và thực hiện chương trình phổ biến kỹ năng điều khiển phương tiện/giải pháp kỹ thuật trong khai thác, sử dụng phương tiện giao thông cơ giới theo hướng tiết kiệm năng lượng; tuyên truyền, vận động các đơn vị kinh doanh vận tải sử dụng phương tiện giao thông cơ giới theo hướng tiết kiệm năng lượng;

- Thực hiện quản lý thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng của UBND tỉnh đã phê duyệt; phương án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh; tham gia ý kiến thẩm định, đánh giá về công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản nhóm II (hiện nay là khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm xi măng), công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng đảm bảo tiết kiệm hiệu quả sử dụng năng lượng”.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ, cụ thể:

- Chủ trì và phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện lồng ghép lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào các chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Chủ trì xây dựng Định hướng đặt hàng các nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh hằng năm; trong đó định hướng các sở, ngành, UBND các xã, phường đặt hàng ưu tiên nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng điện mặt trời mái nhà; ứng dụng các thiết bị, công nghệ và giải pháp sử dụng năng lượng thông minh;

chuyển giao phát triển và nâng cao hiệu suất công nghệ về tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới.

- Phối hợp cùng các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện và ứng dụng kết quả các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

- Lập báo cáo tổng kết hàng năm về việc triển khai thực hiện các nội dung chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thuộc lĩnh vực được giao gửi Sở Công Thương tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể:

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, UBND các xã, phường tổng hợp thông tin về nỗ lực giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thông qua sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức chương trình hỗ trợ thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng cho ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, hải sản.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện nhân rộng triển khai mô hình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, hải sản.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND xã, phường tổ chức hội nghị tập huấn tuyên truyền, phổ biến các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong ngành nông, lâm, thủy sản.

- Lập báo cáo tổng kết hàng năm về việc triển khai thực hiện các nội dung chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thuộc lĩnh vực được giao và gửi Sở Công Thương tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

5. Sở Tài chính

Căn cứ nội dung kế hoạch được duyệt, kết quả rà soát, tổng hợp của Sở Công Thương và trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính tổng hợp và trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định”.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch đầu tư công hằng năm, trong đó bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển nhằm triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 (nếu có).

- Phối hợp các sở: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan giám sát, kiểm tra việc tuân thủ thực hiện tiêu chí về quy mô công suất, tiêu hao năng lượng, công nghệ và thiết bị sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp, nhà đầu tư theo Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27 tháng

11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kiểm soát dự án đầu tư sử dụng nhiều năng lượng, tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường.

6. Sở Văn hóa, thể thao và du lịch

Chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Văn hóa thể thao và du lịch, cụ thể:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn các khách sạn, nhà nghỉ và các đối tượng quản lý nhà nước về du lịch sử dụng năng lượng tái tạo, thân thiện môi trường, tiết kiệm và hiệu quả.

- Phối hợp Sở Công Thương hướng dẫn đẩy mạnh tuyên truyền sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hệ thống thông tin cơ sở.

- Lập báo cáo tổng kết hàng năm về việc triển khai thực hiện các nội dung chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả thuộc lĩnh vực được giao và gửi Sở Công Thương tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

7. Sở Giáo dục và đào tạo

- Chủ trì thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật xây dựng chương trình đào tạo tích hợp, triển khai hoạt động tuyên truyền, tổ chức đào tạo kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hệ thống giáo dục tại tỉnh.

- Chủ trì hướng dẫn các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp lồng ghép các kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong xây dựng chương trình đào tạo.

- Lập báo cáo tổng kết hàng năm về việc triển khai thực hiện các nội dung chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thuộc lĩnh vực được giao và gửi Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

8. Báo và Phát thanh, truyền hình

Phối hợp với Sở Công Thương tăng cường tuyên truyền việc triển khai các dự án đầu tư sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền về tiết kiệm năng lượng trong sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm về tiết kiệm năng lượng của cộng đồng, doanh nghiệp và xã hội. Kịp thời giới thiệu các mô hình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên tất cả các hạ tầng phát thanh, truyền hình, báo in, báo điện tử.

9. Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Sơn La

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch và các đơn vị có liên quan tuyên truyền thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đến các doanh nghiệp quản lý, vận hành, kinh doanh điện năng; các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao chỉ số hiệu quả năng lượng tại các cơ sở sản xuất trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Lập báo cáo tổng kết hàng năm về việc triển khai thực hiện các nội dung chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thuộc lĩnh vực được giao và gửi Sở Công Thương tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

10. UBND các xã, phường Chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của UBND các xã, phường, cụ thể:

- Triển khai thay thế, lắp đặt hệ thống chiếu sáng hiệu suất cao và công nghệ điều khiển hệ thống chiếu sáng công cộng hiện đại, tiết kiệm năng lượng trên địa bàn tỉnh. - Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ tiết kiệm năng lượng trong hộ gia đình; trụ sở làm việc của các cơ quan trên địa bàn. Triển khai, phổ biến và sử dụng có hiệu quả Website: udungdien.evn.com.vn đối với khách hàng là cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và hành chính sự nghiệp.

- Tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhằm hình thành thói quen sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Rà soát, khuyến khích, đôn đốc các cá nhân, hộ gia đình, cơ quan thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng.

- Lập báo cáo tổng kết hàng năm về việc triển khai thực hiện các nội dung chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thuộc lĩnh vực được giao và gửi Sở Công Thương tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

11. Công ty Điện lực Sơn La

- Phối hợp các sở, ngành, tổ chức liên quan thực hiện phân phối, bán lẻ và sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện, có kế hoạch thực hiện ngầm hóa lưới điện theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh được phê duyệt nhằm giảm tổn thất điện năng, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết, giải pháp thực hiện quản lý nhu cầu điện năng phù hợp với các khả năng cung cấp (giờ cao điểm, trung bình, thấp điểm); đáp ứng đầy đủ điện năng cho sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp (*quản lý, kiểm tra, nghiên cứu ứng dụng giải pháp...*) nhằm giảm tổn thất điện trong khâu phân phối và kinh doanh điện.

- Tuyên truyền các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, hướng dẫn khách hàng sử dụng điện theo biểu đồ phụ tải để tối ưu hệ thống điện vận hành đạt hiệu quả.

- Phối hợp UBND các xã, phường tuyên truyền, vận động hộ gia đình thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện trong sinh hoạt.

12. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.

- Lập và triển khai kế hoạch thực hiện chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại đơn vị theo lộ trình được phê duyệt; tổ chức giám sát, đánh giá

kết quả triển khai thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; cập nhật, bổ sung kế hoạch giai đoạn tiếp theo.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, rà soát, đánh giá các tác động ảnh hưởng đến việc sử dụng năng lượng; nghiên cứu, đề xuất biện pháp quản lý các yếu tố gây thất thoát, lãng phí năng lượng.

- Đầu tư, cải tạo phương tiện, thiết bị, công trình sử dụng năng lượng; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát sử dụng năng lượng tại cơ sở tiêu thụ năng lượng.

- Xây dựng quy trình quản lý, ứng phó, khắc phục rủi ro; bố trí nguồn nhân lực, trang thiết bị kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố trong việc sử dụng năng lượng tại đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, người lao động trong cơ sở tiêu thụ năng lượng về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Hợp tác chia sẻ kinh nghiệm về lập kế hoạch và thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giữa các cơ sở tiêu thụ năng lượng.

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị hướng dẫn, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, tuyên truyền việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong đơn vị.

- Báo cáo định kỳ tình hình triển khai thực hiện chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với Sở Công Thương theo quy định.

13. Trách nhiệm của cộng đồng

Cộng đồng dân cư, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giám sát, kiểm tra, phát hiện và thông báo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

UBND tỉnh yêu cầu: Các sở, ban, ngành, UBND các xã phường và các tổ chức liên quan căn cứ vào Kế hoạch này xây dựng dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời phản ánh gửi về Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương xem xét, giải quyết theo đúng thẩm quyền./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đính chính một số nội dung tại Quyết định số
3338/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh về việc
phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Sơn La năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Sơn La năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 04/TTr-SNNMT ngày 06 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính một số nội dung tại Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Sơn La năm 2026, cụ thể như sau:

1. Tại mục “5.2. Quan trắc chất lượng môi trường nước mặt” và Phụ lục số 02 ghi:

+ Thông số quan trắc (18 thông số): pH, DO, TSS, BOD5 (20oC), COD, Amoni (NH₄⁺) (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Xyanua (CN⁻), Florua, Đồng (Cu), Mangan (Mn), Crom VI (Cr⁶⁺), Sắt (Fe), Kẽm (Zn), Coliform, E.coli, Các thông số hóa chất BVTN nhóm clo hữu cơ (Aldrin, Dieldrin, 3-Benzene hexachloride (BHC), Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs), Heptachlor & Heptachlorepoxyde).

Nay đính chính như sau:

+ Thông số quan trắc (18 thông số và nhóm thông số): pH, DO, TSS, BOD5 (20oC), COD, Amoni (NH₄⁺) (tính theo N), Tổng N, Tổng P, Xyanua (CN⁻), Florua,

Đồng (Cu), Mangan (Mn), Crom VI (Cr6+), Sắt (Fe), Kẽm (Zn), Tổng Coliform, E.coli, Các thông số Hóa chất BVTV nhóm clo hữu cơ (Aldrin (C₁₂H₈Cl₆), Lindane (C₆H₆Cl₆), Dieldrin (C₁₂H₈Cl₆O), Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis (4-chlorobenzene) (C₁₄H₉Cl₅), Heptachlor & Heptachlorepoxyde (C₁₀H₅Cl₇ & C₁₀H₅Cl₇O)).

2. Tại Phụ lục số 05 ghi:

+ Thông số quan trắc (04 thông số): Chì (Plumbum) (Pb), Kẽm (Zincum) (Zn), Đồng (Cuprum) (Cu), các thông số hóa chất bảo vệ thực vật (Aldrin (C₁₂H₈Cl₆), Dieldrin (C₁₂H₈Cl₆O), Heptachlor (C₁₀H₅Cl₇), Chlordane (C₁₀H₆Cl₈), BHC (C₆H₆Cl₆), Endrin (C₁₂H₈Cl₆O), Endosulfan (C₂₅H₆O₃S), Diazinon (C₁₂H₂₁N₂O₃PS)).

- Nay đính chính như sau:

+ Thông số quan trắc (04 thông số và nhóm thông số): Chì (Plumbum) (Pb), Kẽm (Zincum) (Zn), Đồng (Cuprum) (Cu), các thông số hóa chất bảo vệ thực vật (Aldrin (C₁₂H₈Cl₆), Dieldrin (C₁₂H₈Cl₆O), Heptachlor (C₁₀H₅Cl₇), Chlordane (C₁₀H₆Cl₈), Lindane (C₆H₆Cl₆), Endrin (C₁₂H₈Cl₆O)).

3. Tại mục “6. Sản phẩm” ghi:

+ (Mẫu Báo cáo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Nay đính chính như sau:

+ (Mẫu Báo cáo theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

4. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Sơn La năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Sơn La năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025; Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 28 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Công nghiệp và Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 360/TTr-SYT ngày 01 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trung Chiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Định giá cụ thể nước sạch của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT- BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Bộ trưởng, Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực; Thông tư số 23/2025/TT-BNV ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT- BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2005;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt; số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông báo số 1250/TB-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính về khung giá nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La ban hành định mức dự toán sản xuất nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 848/TTr-SXD ngày 30 tháng 12 năm 2025, Báo cáo thẩm định số 1419/BC-SXD ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Báo cáo số 1324/BC-SXD ngày 19 tháng 12 năm 2025; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 19/BC-VPUB ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định giá cụ thể nước sạch của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La như sau:

1. Tên hàng hóa, dịch vụ: Nước sạch sinh hoạt.
2. Mô tả về hàng hóa, dịch vụ: Nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Sơn La sản xuất, cung cấp.
3. Đơn vị tính: Đồng/m³ nước sạch.
4. Giá cụ thể:

TT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt	Lượng nước sạch sử dụng/ tháng		Hệ số tính giá tối đa so với giá bình quân (H _i)	Giá cụ thể
		Mức (m ³ /đồng hồ/tháng)	Ký hiệu		
Nhóm 1	Hộ dân cư tại khu vực đô thị (các phường và thị trấn trước đây)	- Mức dưới 10 m ³ /đồng hồ/tháng	SH1.a	0,8	9.840
		- Từ trên 10 m ³ - 20 m ³ /đồng hồ/tháng	SH2	1	12.300
		- Từ trên 20 m ³ - 30 m ³ /đồng hồ/tháng	SH3	1,2	14.760
		- Trên 30 m ³ /đồng hồ/tháng	SH4	1,4	17.220
Nhóm 2	Hộ dân cư ngoài nhóm 1 và nhóm 3	Thực hiện đồng giá theo thực tế sử dụng	SH1.c	0,8	9.840
Nhóm 3	Hộ dân cư tại xã Bắc Yên và lân cận	Thực hiện đồng giá theo thực tế sử dụng	SH1.b	0,8	9.840

TT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt	Lượng nước sạch sử dụng/ tháng		Hệ số tính giá tối đa so với giá bình quân (H_i)	Giá cụ thể
		Mức (m^3 /đồng hồ/tháng)	Ký hiệu		
Nhóm 4	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận).	Thực hiện đồng giá theo thực tế sử dụng	HCSN	1,2	14.760
Nhóm 5	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Thực hiện đồng giá theo thực tế sử dụng	SX	1,4	17.220
Nhóm 6	Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ	Thực hiện đồng giá theo thực tế sử dụng	KD	1,4	17.220
Giá bán lẻ nước sạch bình quân (H_1)			1		12.300

Lưu ý:

- Đối với hộ dân cư nhóm 1, giá nước được tính theo bậc thang như sau:

+ 10 m^3 đầu tiên: 9.840 đồng/ m^3 ;

+ Từ m^3 thứ 11 đến 20: 12.300 đồng/ m^3 ;

+ Từ m^3 thứ 21 đến 30: 14.760 đồng/ m^3 ;

+ Từ m^3 thứ 31 trở đi: 17.220 đồng/ m^3 .

- Đối với hộ dân cư nhóm 2 và nhóm 3 thực hiện đồng giá 9.840 đồng/ m^3 .

5. Phạm vi điều chỉnh

Hoạt động bán lẻ nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Sơn La sản xuất, cung cấp trên địa bàn tỉnh Sơn La.

6. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với Công ty cổ phần cấp nước Sơn La; các tổ chức, cá nhân mua, sử dụng nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Sơn La sản xuất, cung cấp; cơ quan quản lý nhà nước về nước sạch và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện**1. Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**

1.1. Triển khai thực hiện các thủ tục, quy trình, quy định về hoạt động bán lẻ nước sạch theo quy định pháp luật hiện hành.

1.2. Thường xuyên kiểm tra, giám sát khối lượng, chất lượng nước, thiết bị đo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành.

1.3. Thực hiện thủ tục công bố hợp quy cho sản phẩm nước sạch sinh hoạt theo đúng quy định hiện hành gửi Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế theo dõi, kiểm tra theo thẩm quyền.

1.4. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả; thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật sản xuất và cung cấp nước sạch nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm giá thành sản xuất. Thực hiện đầy đủ các cam kết; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành về giá nước sạch sinh hoạt, chất lượng nước, thiết bị đo và các yêu cầu kỹ thuật có liên quan; định kỳ hằng quý báo cáo tình hình thực hiện về Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế để theo dõi, kiểm tra theo quy định.

1.5. Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực, hợp lý, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu và số liệu cung cấp làm cơ sở thẩm định phương án giá.

2. Giao các sở: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Y tế; Công an tỉnh thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo chức năng, thẩm quyền.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ kỳ thanh toán tiền nước tháng 01 năm 2026 và thay thế Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh quy định giá nước sạch phục vụ sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Y tế; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Tổng giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Sơn La và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch và giao chỉ tiêu đưa người
lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài năm 2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Bộ Luật Lao động số 49/2019/QH14;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ Nghị quyết 59/NQ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về tiếp tục thí điểm thực hiện đưa người lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước;

Căn cứ Kết luận số 1833-KL/TU ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới;

Căn cứ Đề án số 2553/ĐA-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh về đưa người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2025 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 16/TTr-SNV ngày 08 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án số 2553/ĐA-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh và giao chỉ tiêu đưa người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ: là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, tổ

chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các sở, ngành, địa phương; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, kịp thời tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan: tham mưu và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch liên quan đến việc đưa người lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài; chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn; tăng cường phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện, nhằm bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

3. UBND các xã, phường

a) Xây dựng kế hoạch, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện chỉ tiêu đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của UBND tỉnh giao trong năm 2026; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, vận động người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đến địa phương tổ chức hoạt động tư vấn, tuyển chọn lao động; phối hợp với doanh nghiệp tư vấn, hướng dẫn người lao động hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Tiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Đề án số 2553/ĐA-UBND
ngày 14/10/2025 của UBND tỉnh và giao chỉ tiêu đưa người
lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài năm 2026**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/QĐ-UBND
ngày 10/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được xác định trong Đề án số 2553/ĐA-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc đưa người lao động tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2025 - 2030; làm căn cứ để tổ chức triển khai thực hiện trong năm 2026 bảo đảm thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.

b) Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động đưa người lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, nhất là tại khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

c) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương và người dân trong công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tạo sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành và sự đồng thuận trong tổ chức.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định trong Đề án số 2553/ĐA-UBND.

b) Phân công rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan; tăng cường phối hợp trong tổ chức thực hiện, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả. Tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. c) Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật; tăng cường quản lý nhà nước, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm trong hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Năm 2026, toàn tỉnh phấn đấu đưa 700 người lao động đi làm việc ở nước ngoài (có biểu giao chỉ tiêu cho 75 xã, phường tại Phụ lục số 01 gửi kèm theo).

2. 100% người lao động tham gia chương trình được đào tạo ngoại ngữ, giáo dục định hướng và tư vấn pháp luật đầy đủ trước khi xuất cảnh; bảo đảm người lao

động chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước tiếp nhận lao động.

3. Phần đầu 100% các xã, phường của tỉnh đều có lao động đi làm việc ở nước ngoài.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

(có biểu Phụ lục số 02 gửi kèm theo)

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 (nếu có).

2. Các nguồn vốn cho vay qua Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định hiện hành và nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương sang Ngân hàng chính sách xã hội.

3. Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành để hỗ trợ kinh phí cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

4. Nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ theo khả năng cân đối và theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, để thực hiện chính sách hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài ngoài các chính sách hỗ trợ hiện hành của Trung ương do cấp có thẩm quyền quy định.

5. Các nguồn hỗ trợ của doanh nghiệp và nguồn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch này hoặc lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng vào chương trình, kế hoạch công tác năm 2026 của ngành, địa phương.

b) Chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn; tăng cường phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện, nhằm bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

c) Tập trung đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền; triển khai các nhiệm vụ công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để tham mưu chỉ đạo thực hiện theo quy định.

d) Định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch 06 tháng (trước ngày 15 tháng 6) và năm 2026 (trước ngày 15 tháng 12) qua Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp các cơ quan tham mưu, triển khai Kế hoạch; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc kiểm tra các sở, ngành, địa phương; tổng hợp kết quả, báo cáo UBND tỉnh kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; định kỳ báo cáo theo quy định.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu bố trí, cân đối nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước và quy định hiện hành; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả.

4. UBND các xã, phường

a) Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2025 - 2030 và hằng năm; đưa chỉ tiêu xuất khẩu lao động vào Chương trình hành động của cấp ủy và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu theo Đề án của UBND tỉnh giao. Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2025 - 2030 và năm 2026 gửi Sở Nội vụ để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 01 năm 2026.

b) Tăng cường quản lý lao động trên địa bàn, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư vấn, tuyển chọn; hướng dẫn, xác nhận hồ sơ, thủ tục và vay vốn cho người lao động; thường xuyên theo dõi, giáo dục, động viên người lao động chấp hành nghiêm hợp đồng lao động, vận động gia đình phối hợp quản lý, phòng ngừa cư trú, làm việc bất hợp pháp; đồng thời phối hợp ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi môi giới, lừa đảo, thu tiền trái quy định.

c) Chỉ đạo các đồng chí Trưởng bản, thôn, tổ dân phố, tiểu khu trên địa bàn phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động Nhân dân, đặc biệt là thanh niên và lao động trong độ tuổi, đề hiểu đúng, đầy đủ về chủ trương đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài; phối hợp với UBND xã, phường, các đoàn thể và doanh nghiệp trong việc rà soát, tạo nguồn lao động, phản ánh kịp thời khó khăn, vướng mắc và nguyện vọng của Nhân dân, góp phần triển khai hiệu quả chủ trương của tỉnh, mang lại lợi ích thiết thực cho người lao động và gia đình.

d) Cùng với các nguồn lực của Trung ương, của tỉnh, chủ động bố trí nguồn kinh phí ngân sách cấp mình để thực hiện, đảm bảo đạt các chỉ tiêu theo Kế hoạch xây dựng Đề án đã ban hành.

5. Đề nghị các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Phối hợp chặt chẽ các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Sơn La trong công tác tuyên truyền, tư vấn, tuyển chọn, đào tạo và quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thực hiện nghiêm các quy định pháp luật, đảm bảo minh bạch thông tin, công khai đầy đủ quyền lợi, nghĩa vụ, điều kiện làm việc và các khoản chi phí của người lao động, không để xảy ra tình trạng thu phí trái quy định hay môi giới bất hợp pháp.

b) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý, hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong suốt quá trình làm việc ở nước ngoài; kịp thời thông tin, phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh để xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến người lao động.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đưa người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài năm 2026; yêu cầu các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

Phụ lục 01
GIAO CHỈ TIÊU ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC
Ở NƯỚC NGOÀI CHO 75 XÃ, PHƯỜNG NĂM 2026

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Tỷ lệ so với toàn tỉnh (%)	Chỉ tiêu năm 2026 (người)	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>
	TỔNG		700	
1	Phường Tô Hiệu	3,46	24	
2	Phường Chiềng An	1,87	13	
3	Phường Chiềng Cơi	1,48	10	
4	Phường Chiềng Sinh	1,87	13	
5	Phường Mộc Châu	1,54	11	
6	Phường Mộc Sơn	0,99	7	
7	Phường Vân Sơn	1,18	8	
8	Phường Thảo Nguyên	1,68	12	
9	Xã Đoàn Kết	0,95	7	
10	Xã Lóng Sập	0,74	5	
11	Xã Chiềng Sơn	0,50	4	
12	Xã Tân Yên	1,42	10	
13	Xã Vân Hồ	1,91	13	
14	Xã Song Khủa	1,26	9	
15	Xã Tô Múa	1,16	8	
16	Xã Xuân Nha	0,64	5	
17	Xã Quỳnh Nhai	2,14	15	
18	Xã Mường Chiên	0,80	6	
19	Xã Mường Giôn	0,82	6	
20	Xã Mường Sại	0,72	5	
21	Xã Thuận Châu	3,28	23	
22	Xã Chiềng La	1,51	11	

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Tỷ lệ so với toàn tỉnh (%)	Chỉ tiêu năm 2026 (người)	Ghi chú
23	Xã Nậm Lầu	1,43	10	
24	Xã Muối Nọi	1,12	8	
25	Xã Mường Khiêng	1,74	12	
26	Xã Co Mạ	0,85	6	
27	Xã Bình Thuận	1,25	9	
28	Xã Mường É	1,19	8	
29	Xã Long Hẹ	0,59	4	
30	Xã Mường Bám	0,76	5	
31	Xã Mường La	2,52	18	
32	Xã Chiềng Lao	1,64	11	
33	Xã Mường Bú	1,60	11	
34	Xã Chiềng Hoa	1,32	9	
35	Xã Ngọc Chiến	0,87	6	
36	Xã Bắc Yên	1,75	12	
37	Xã Tà Xùa	0,42	3	
38	Xã Tạ Khoa	1,20	8	
39	Xã Xím Vàng	0,46	3	
40	Xã Pắc Ngà	1,08	8	
41	Xã Chiềng Sại	0,54	4	
42	Xã Phù Yên	3,11	22	
43	Xã Gia Phù	1,67	12	
44	Xã Tường Hạ	0,95	7	
45	Xã Mường Cơi	1,14	8	
46	Xã Mường Bang	0,91	6	
47	Xã Tân Phong	0,44	3	
48	Xã Kim Bon	0,70	5	
49	Xã Suối Tọ	0,54	4	

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Tỷ lệ so với toàn tỉnh (%)	Chỉ tiêu năm 2026 (người)	Ghi chú
50	Xã Yên Châu	2,08	15	
51	Xã Chiềng Hặc	1,29	9	
52	Xã Lóng Phiêng	0,73	5	
53	Xã Yên Sơn	0,80	6	
54	Xã Phiêng Khoài	0,89	6	
55	Xã Chiềng Mai	1,94	14	
56	Xã Mai Sơn	3,40	24	
57	Xã Phiêng Păn	1,87	13	
58	Xã Chiềng Mung	2,27	16	
59	Xã Phiêng Cầm	0,96	7	
60	Xã Mường Chanh	0,83	6	
61	Xã Tà Hộc	1,06	7	
62	Xã Chiềng Sung	1,15	8	
63	Xã Bó Sinh	1,17	8	
64	Xã Chiềng Khương	1,20	8	
65	Xã Mường Hung	1,82	13	
66	Xã Chiềng Khoong	1,52	11	
67	Xã Mường Lầm	1,39	10	
68	Xã Nậm Ty	1,16	8	
69	Xã Sông Mã	1,93	14	
70	Xã Huổi Một	0,88	6	
71	Xã Chiềng Sơ	1,36	10	
72	Xã Sốp Cộp	2,02	14	
73	Xã Púng Bính	1,43	10	
74	Xã Mường Lạn	0,82	6	
75	Xã Mường Lèo	0,32	2	

Phụ lục 02
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA TỈNH SƠN LA ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI NĂM 2026

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; vai trò trách nhiệm của hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trong công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài			
1	Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; đưa chỉ tiêu xuất khẩu lao động hằng năm trong Chương trình hành động của cấp ủy, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND cấp tỉnh, cấp xã năm 2026	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành; các cơ quan đơn vị có liên quan	Năm 2026
2	Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát thực hiện cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch đưa người lao động trên địa bàn tỉnh đi làm việc ở nước ngoài để đảm bảo hiệu quả, đúng quy định của pháp luật	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Năm 2026
II	Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng			

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Chỉ đạo các cơ quan báo chí tại địa phương tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; xử lý các trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội và các ứng dụng có hoạt động vi phạm pháp luật trong công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo phân cấp quản lý và chức năng, nhiệm vụ được giao	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Thường xuyên
2	Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, tin bài, phóng sự tuyên truyền về công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trên Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức: qua các hội nghị, hệ thống thông tin ở cơ sở, tờ rơi, tờ gấp... đảm bảo nội dung rõ ràng, dễ tiếp cận, phù hợp với đặc điểm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường.	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Thường xuyên
3	Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, tin bài, phóng sự bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc (tiếng Thái, Mông,...) phát trên sóng phát thanh, truyền hình và trên các nền tảng số của Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh và trên sóng phát thanh, truyền hình các địa phương.	Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh	Sở Nội vụ; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Tuyên truyền, định hướng cho học sinh, sinh viên về chủ trương, chính sách đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; lồng ghép nội dung đi làm việc ở nước ngoài vào công tác tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh THCS, THPT và sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh (đặc biệt là học sinh, sinh viên cuối cấp), góp phần định hướng nghề nghiệp, mở rộng cơ hội việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.	Sở Giáo dục và Đào tạo; các trường: Đại học Tây Bắc, Cao đẳng Sơn La, Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
5	Thành lập Tổ tuyên truyền, vận động về xuất khẩu lao động ở cấp xã (gồm: lãnh đạo UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp xã và Bí thư, Trưởng các ban trên địa bàn xã,...).	UBND cấp xã	Các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 1/2026
III	Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài			
1	Tổ chức thu thập, cập nhật, quản lý, phân tích và dự báo thông tin thị trường lao động; cung cấp kịp thời thông tin về tuyển chọn lao động theo từng thị trường, cung cấp các bản tin thị trường lao động định kỳ cho người lao động	Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
2	Rà soát, lựa chọn những đơn vị uy tín, có đầy đủ hồ sơ pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp được phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài tham gia tư vấn, tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
3	Tăng cường công tác quản lý đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài; công tác bảo hộ công dân đối với	Sở Nội vụ; Sở Ngoại vụ; Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia			
IV	Đào tạo, nâng cao chất lượng lao động, tạo nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng			
1	Chỉ đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các khoá đào tạo, liên kết đào tạo ngoại ngữ, đào tạo nghề, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho học sinh, sinh viên; tư vấn, định hướng cho học sinh, sinh viên đăng ký đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Sở Giáo dục và Đào tạo; các trường: Đại học Tây Bắc, Cao đẳng Sơn La, Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
2	Rà soát, thống kê danh sách người trong độ tuổi lao động có nguyện vọng đi làm việc ở nước ngoài gửi Trung tâm Dịch vụ việc làm để tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động	UBND các cấp xã	Trung tâm Dịch vụ việc làm; các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
3	Tăng cường thông tin, tuyên truyền, vận động người hoàn thành nghĩa vụ công an nhân dân, người nghiện ma túy sau cai nghiện hoàn thành chương trình điều trị, phục hồi chủ động tham gia học nghề, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp để hướng tới tham gia chương trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Chỉ đạo Công an cấp xã lập danh sách người hoàn thành nghĩa vụ công an nhân dân, người cai nghiện trở về địa phương đã được hướng nghiệp dạy nghề tại Cơ sở cai nghiện và cung cấp danh sách cho các doanh nghiệp để lựa chọn	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	người lao động, ngành nghề phù hợp, ký hợp đồng và đưa đi lao động ở nước ngoài			
4	Chủ trì, phối hợp với các địa phương rà soát tình hình bộ đội xuất ngũ, triển khai các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ cho bộ đội xuất ngũ để đăng ký đi làm việc ở nước ngoài	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
V	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức triển khai công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài			
1	Hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bằng nhiều hình thức, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
2	Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức địa phương tham gia các đoàn học tập kinh nghiệm, hội thảo chuyên đề trong và ngoài nước về lĩnh vực lao động ngoài nước để nâng cao trình độ, tiếp cận xu hướng mới	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
VI	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài			
1	Tham mưu triển khai thực hiện Chương trình ký kết Thỏa thuận với các địa phương của Hàn Quốc để đưa người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
2	Nghiên cứu, triển khai thực hiện việc liên kết đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa	Sở Giáo dục và Đào tạo; các trường: Đại	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	bàn tính với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài nhằm thực hiện Chương trình đào tạo liên thông và trao đổi học sinh, sinh viên với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài	học Tây Bắc, Cao đẳng Sơn La, Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La		
3	Tham mưu, đề xuất tổ chức các Đoàn công tác của tỉnh Sơn La đi nước ngoài để học tập kinh nghiệm, nắm bắt thông tin thị trường lao động quốc tế, xu hướng tuyển dụng và yêu cầu của các đối tác nước ngoài	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
4	Tham mưu trình cấp có thẩm quyền cử đoàn ra và đón tiếp đoàn vào để thực hiện các nội dung liên quan đến công tác đưa người của tỉnh Sơn La đi lao động ở nước ngoài; Hỗ trợ, phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tìm kiếm, triển khai hợp tác phái cử lao động thời vụ với các địa phương nước ngoài theo quy định của pháp luật	Sở Ngoại vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
VII	Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát tình hình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng			
1	Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đối với các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị trong việc chấp hành pháp luật về tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về điều kiện hoạt động, tuyển chọn lao động, thu phí, quản lý, đảm bảo quyền và lợi ích cho người lao động khi tham gia làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.... Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý	Sở Nội vụ; Công an tỉnh; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Quản lý chặt chẽ đảng viên là người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan, tổ chức, cấp ủy đảng có liên quan	Thường xuyên
VIII	Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài			
1	Tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người lao động và tạo nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I/2026
2	Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho người lao động về hồ sơ, phương thức, thủ tục vay vốn, kịp thời giải ngân nguồn vốn cho người lao động vay đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tiếp nhận thông tin và giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh về vay vốn của người lao động và các doanh nghiệp tuyển dụng lao động.	Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Sơn La	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
3	Thẩm định, quyết định hỗ trợ và thanh toán tiền hỗ trợ cho người lao động cư trú trên địa bàn đi làm việc ở nước ngoài theo quy định	UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài thuộc CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, CTMTQG giảm nghèo bền vững,...	UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
5	Tham mưu phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường để thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có)	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
6	Tham mưu phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường để thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (nếu có)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
7	Tạo điều kiện thuận lợi để người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thực hiện các thủ tục xuất, nhập cảnh, cấp Phiếu lý lịch tư pháp đảm bảo nhanh chóng, đúng quy định	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
8	Chỉ đạo các cơ sở y tế, các đơn vị thuộc quyền quản lý hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động làm thủ tục khám sức khỏe để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đúng thời gian quy định	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
9	Hướng dẫn và xác nhận cho người lao động làm hồ sơ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, hồ sơ vay vốn và các thủ tục hành chính khác có liên quan	UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
IX	Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi kết thúc hợp đồng trở về địa phương			
1	Kết nối, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho người lao động có nhu cầu tiếp tục đi làm việc ở nước ngoài theo quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
2	Kết nối, tư vấn giới thiệu việc làm, giới thiệu các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động cho người lao động để đi làm việc trong và ngoài tỉnh phù hợp với nhu cầu, trình độ của người lao động.	Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/CT-UBND

Sơn La, ngày 05 tháng 01 năm 2026

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026

Trong thời gian gần đây tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố trên toàn quốc diễn biến phức tạp, nhất là tại khu dân cư, khu công nghiệp, chợ, cơ sở sản xuất, kinh doanh... đặc biệt là vụ cháy nhà dân tại số 9, hẻm 12, ngách 17, ngõ 180 phố Kim Hoa, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội ngày 11 tháng 10 năm 2025 làm 05 người chết; vụ cháy tại số 227, đường Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ô Lành, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 12 năm 2025 làm 04 người chết và 02 người bị thương; Vụ cháy nhà xưởng Công ty TNHH Oanh Vân tại xã Chấn Hưng, thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 12 năm 2025 thiệt hại 12.000 m² nhà xưởng...

Đối với địa bàn tỉnh Sơn La, trong năm 2025 xảy ra 29 vụ cháy, tăng 09 vụ (45%) so với năm 2024, gây thiệt hại về tài sản ước tính 8,35 tỷ đồng; 01 vụ nổ làm chết 01 người, tăng 01 vụ so với năm 2024. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) được Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các cấp, các ngành và người dân quan tâm song nguy cơ mất an toàn vẫn tiềm ẩn, nhất là trong các khu dân cư, nhà ở kết hợp sản xuất và kinh doanh, các cơ sở sản xuất, kho tàng. Bên cạnh đó, điều kiện thời tiết khắc nghiệt, hanh khô, hạn hán kéo dài, mưa lũ được dự báo trong năm tiếp theo còn có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường làm ảnh hưởng, tác động rất lớn tới tình hình triển khai các nhiệm vụ công tác PCCC và CNCH.

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH còn nhiều hạn chế, đặt ra yêu cầu cấp thiết đòi hỏi phải có tư duy, nhận thức, phương pháp, cách làm mới trong lãnh đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành, các địa phương, nòng cốt là các lực lượng chuyên trách trong công tác PCCC và CNCH và ý thức tự giác cao của người dân trong công tác này.

Nhằm phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế; đồng thời chủ động triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ công tác PCCC và CNCH năm 2026; Chủ tịch UBND tỉnh Chỉ thị như sau:

1. Tiếp tục quán triệt, triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo của Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Công an, trọng tâm là: Luật PCCC và CNCH và các văn bản pháp luật về công tác PCCC và CNCH; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác PCCC trong tình hình mới; Chỉ thị 19/CT-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác PCCC đối với nhà ở nhiều tầng,

nhiều căn hộ, nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh; Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hạ tầng PCCC thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh... nhằm nâng cao ý thức, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân đối với công tác PCCC và CNCH, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Công an tỉnh

a) Tham mưu với Tỉnh ủy ban hành văn bản triển khai Chỉ thị mới của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC và CNCH trong tình hình mới.

b) Tham mưu với HĐND tỉnh ban hành:

(1) Nghị quyết về việc dừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với các công trình, cơ sở vi phạm về PCCC và không có khả năng khắc phục các điều kiện đảm bảo an toàn PCCC;

(2) Chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC và CNCH.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tham mưu với UBND tỉnh triển khai:

(1) Nghị quyết HĐND tỉnh về thông qua Đề án hỗ trợ kinh phí trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2031;

(2) Nghị quyết HĐND tỉnh về “Quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

(3) Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 65 ngày truyền thống lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH (04/10/1961 - 04/10/2026) và 25 năm ngày “toàn dân PCCC và CNCH” (04/10/2001 - 04/10/2026) gắn với triển khai tháng an toàn PCCC lần thứ 31 (tháng 10/2026);

(4) Các hoạt động hưởng ứng tháng an toàn PCCC lần thứ 31 (tháng 10/2026), ngày “Toàn dân PCCC và CNCH” năm 2026 (ngày 04/10/2026);

(5) Hội thao nghiệp vụ chữa cháy và CNCH của lực lượng PCCC cơ sở dân phòng và “Tổ liên gia an toàn PCCC” toàn tỉnh năm 2026;

(6) Diễn tập phương án ứng phó thảm họa cháy lớn khu Trung tâm thương mại Vincom Sơn La có huy động nhiều lực lượng, phương tiện tham gia;

(7) Kiểm tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH của UBND cấp xã và một số sở, ngành trong năm 2026;

(8) Đề án của Chính phủ về “Ngăn chặn, kéo giảm các vụ cháy gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản và nâng cao hiệu quả công tác cứu nạn, cứu hộ”;

(9) Đề án của Chính phủ về “Tích hợp các đầu số 113, 114, 115 và tổ chức thông tin liên lạc trong trường hợp khẩn cấp thành Trung tâm tiếp nhận và xử lý thông tin khẩn cấp Quốc gia”;

(10) củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo PCCC và CNCH các cấp;

(11) Điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, năm 2026;

(12) Xử lý dứt điểm các công trình vi phạm thuộc diện quản lý về PCCC và CNCH chưa được thẩm định thiết kế, nghiệm thu về PCCC đã đưa vào sử dụng.

d) Tham mưu với Ban Chỉ đạo PCCC và CNCH tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết công tác PCCC và CNCH năm 2025, triển khai nhiệm vụ năm 2026, gắn với tổng kết phong trào toàn dân PCCC và CNCH năm 2025 và triển khai phong trào toàn dân PCCC và CNCH năm 2026.

đ) Mở đợt cao điểm về tuyên truyền, kiểm tra an toàn PCCC đối với các cơ sở trọng điểm có nguy hiểm về cháy, nổ, địa điểm tập trung đông người, hướng dẫn khắc phục các sơ hở, thiếu sót, xử lý nghiêm các vi phạm về PCCC theo quy định; tham mưu thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh, kiểm tra một số loại hình cơ sở có nguy cơ cháy, nổ cao như: chợ, trung tâm thương mại, các kho chứa hàng hóa, các cơ sở karaoke, khu vui chơi, giải trí, các địa điểm tổ chức lễ hội... Tổ chức kiểm tra an toàn PCCC và CNCH đối với các cơ sở tại phụ lục II Nghị định số 105/2025/NĐ-CP theo quy định; điều tra xác minh làm rõ nguyên nhân các vụ cháy, nổ, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn PCCC và CNCH bảo vệ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

g) Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho 100% Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã; Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố; Người đứng đầu cơ sở; thành viên Đội PCCC và CNCH cơ sở, chuyên ngành, dân phòng và Tổ tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở và các đối tượng khác.

h) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu số đối với các cơ sở thuộc diện quản lý PCCC, nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh, trụ nước, nguồn nước; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, thống kê, tiếp nhận tin báo cháy, chỉ huy chữa cháy và CNCH (ứng dụng 114, bản đồ số, camera...).

i) Tăng cường kiểm tra công tác thường trực sẵn sàng chiến đấu 24/24 giờ trong ngày; chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, phương án chữa cháy và CNCH, nguồn nước chữa cháy, kịp thời tổ chức chữa cháy và CNCH có hiệu quả các vụ cháy, tai nạn, sự cố. Khi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố phải khẩn trương chỉ đạo huy động lực lượng, phương tiện, triển khai đồng bộ các biện pháp để tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tích cực phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các lực

lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản.

3. Sở Xây dựng

a) Tham mưu với HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc ban hành chính sách ưu tiên phát triển giao thông, nguồn nước tại các khu dân cư chưa đảm bảo hạ tầng phục vụ chữa cháy trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu với UBND tỉnh ban hành Quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

c) Tổ chức thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; thực hiện việc quản lý nhà nước về PCCC và CNCH đối với các cơ sở thuộc diện quản lý theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp, đôn đốc UBND các xã, phường rà soát, thống kê, lập danh sách các khu dân cư trên địa bàn quản lý chưa đảm bảo hạ tầng kỹ thuật về giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy.

4. Sở Công Thương

a) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất, kinh doanh, buôn bán, tàng trữ, sử dụng các loại chất, hàng hóa có đặc tính nguy hiểm cháy, nổ, hóa chất độc hại thuộc đối tượng ngành Công thương quản lý; kiểm tra đối với các cơ sở kinh doanh thiết bị điện; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi sản xuất, mua bán các thiết bị điện không đạt tiêu chuẩn trên thị trường; bảo đảm các thiết bị điện có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, bảo đảm an toàn PCCC...;

b) Tổ chức thẩm định thiết kế về PCCC, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC; thực hiện việc quản lý nhà nước về PCCC và CNCH đối với các cơ sở thuộc diện quản lý theo quy định.

c) Chỉ đạo ngành Điện thường xuyên kiểm tra, tuyên truyền, hướng dẫn về bảo đảm an toàn PCCC trong sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất.

5. Sở Tài chính

a) Căn cứ dự toán do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh lập và khả năng cân đối ngân sách địa phương, thực hiện tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét bố trí kinh phí thực hiện công tác PCCC và CNCH theo quy định.

b) Phối hợp với Công an tỉnh triển khai thực hiện quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Đưa vào Kế hoạch năm học và các hoạt động giáo dục về công tác PCCC và CNCH; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn định kỳ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ phụ

trách và lực lượng PCCC và CNCH cơ sở về kiến thức pháp luật, kỹ năng PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức diễn tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ sở giáo dục nội trú cho học sinh, sinh viên theo kịch bản thống nhất và phù hợp với từng cấp học.

b) Chỉ đạo tổ chức khắc phục triệt để các tồn tại, vi phạm quy định về PCCC và CNCH đối với các cơ sở giáo dục theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của HĐND tỉnh và Công văn số 619/UBND-NC ngày 09 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh.

7. Sở Y tế

a) Tăng cường công tác kiểm tra các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH đối với các đơn vị trực thuộc; chỉ đạo các bệnh viện, cơ sở y tế phối hợp với lực lượng Công an và Cảnh sát PCCC và CNCH trong công tác chữa cháy và CNCH.

b) Chỉ đạo tổ chức khắc phục triệt để các tồn tại, vi phạm quy định về PCCC và CNCH đối với các đơn vị trực thuộc Sở Y tế theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của HĐND tỉnh và Công văn số 619/UBND-NC ngày 09 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh.

8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu với UBND tỉnh, Ban Chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh làm tốt công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, cảnh báo và dự báo cấp cháy rừng; xây dựng kế hoạch tổ chức thực tập, diễn tập phương án chữa cháy; tăng cường lực lượng tuần tra kiểm soát, phân công thường trực 24/24 giờ các khu vực trọng điểm, thuộc diện quản lý về PCCC trong mùa hanh khô để kịp thời phát hiện, xử lý khi có cháy xảy ra.

b) Xây dựng lực lượng PCCC cơ sở; tổ chức tập huấn, huấn luyện về chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác PCCC và PCCC rừng; đào tạo cán bộ chuyên sâu trong lĩnh vực dự báo, cảnh báo cháy rừng.

c) Hướng dẫn các chủ rừng xây dựng và tổ chức thực tập phương án PCCC rừng; đề xuất trang bị phương tiện, dụng cụ chữa cháy; tổ chức tốt công tác phối hợp, huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy khi cần thiết, phối hợp Cơ quan điều tra cùng cấp điều tra làm rõ các vụ vi phạm về PCCC khi có dấu hiệu của tội phạm.

9. Báo và Phát thanh, truyền hình Sơn La, các cơ quan thông tin truyền thông trên địa bàn tỉnh

a) Xây dựng các tin, bài, chuyên đề, phóng sự về PCCC và CNCH trên địa bàn, nhằm nâng cao kiến thức pháp luật cũng như ý thức, trách nhiệm của các tầng lớp Nhân dân trong công tác PCCC, cảnh báo nguy cơ cháy, nổ.

b) Tăng thời lượng, ưu tiên bố trí khung giờ vàng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật, biện pháp bảo đảm an toàn về PCCC, kỹ năng thoát nạn khi có cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra bằng nhiều hình thức, ngôn ngữ các dân tộc trên địa bàn tỉnh phù hợp, hiệu quả, trong đó cần đẩy mạnh ứng dụng các nền

tăng mạng xã hội phục vụ công tác tuyên truyền về PCCC và CNCH; tập trung tuyên truyền vào các thời điểm có nguy cơ cháy, nổ cao, diễn biến thời tiết, khí hậu phức tạp.

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về PCCC và CNCH; thường xuyên cập nhật kịp thời đưa tin cảnh báo, cấp dự báo về PCCC và CNCH mùa hanh khô năm 2025 - 2026 trong thời gian cao điểm nắng nóng để người dân biết, chủ động phòng ngừa; kịp thời nêu gương các tập thể, cá nhân làm tốt công tác PCCC và CNCH.

10. Sở Nội vụ: phối hợp với Công an tỉnh phát động phong trào thi đua “Toàn dân PCCC và CNCH”; tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác PCCC và CNCH theo quy định.

11. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các cơ quan, doanh nghiệp

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cụ thể hóa Chỉ thị này; thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn PCCC và CNCH theo quy định pháp luật trong phạm vi quản lý; tham gia xây dựng phong trào toàn dân PCCC và CNCH.

b) Thành lập, duy trì hoạt động đội PCCC cơ sở; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC và CNCH, xây dựng và thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH theo quy định.

c) Đảm bảo kinh phí thường xuyên cho hoạt động PCCC và CNCH; đầu tư, trang bị phương tiện PCCC và CNCH theo quy định; kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC và CNCH đảm bảo hoạt động hiệu quả.

12. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Kiện toàn Ban Chỉ đạo PCCC và CNCH cấp xã; sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động hiệu lực, hiệu quả; ban hành Quyết định thành lập các Đội dân phòng trên địa bàn; tổ chức quản lý, duy trì hoạt động, bố trí, sắp xếp trụ sở làm việc và các điều kiện hoạt động cho lực lượng dân phòng phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động tại địa bàn; duy trì quản lý, sử dụng có hiệu quả phương tiện PCCC và CNCH đã cấp phát cho lực lượng dân phòng.

b) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH; quản lý, kiểm tra về PCCC đối với nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh, cơ sở theo quy định; xử lý vi phạm quy định về PCCC và CNCH theo thẩm quyền; phát động, hưởng ứng, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH.

c) Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, xây dựng phong trào toàn dân tham gia công tác PCCC và CNCH; duy trì và nhân rộng mô hình “Cụm dân cư an toàn PCCC”; năm 2026 mỗi địa phương nhân rộng tối thiểu 01 “Cụm dân cư an toàn PCCC”, mô hình “Tổ liên gia an toàn PCCC” tại các khu vực tập trung nhiều nhà ở kết hợp với sản xuất kinh doanh hàng hóa dễ cháy và “Điểm chữa cháy công cộng” tại các ngõ hẹp mà xe chữa cháy không tiếp cận được có đủ các

tiêu chí theo hướng dẫn của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH Bộ Công an; đảm bảo 100% lực lượng trong cơ sở được tập huấn, mỗi hộ gia đình có tối thiểu 01 người được tuyên truyền, tập huấn; vận động mỗi hộ gia đình trang bị tối thiểu 01 bình chữa cháy; 100% người trong cơ sở sử dụng điện thoại thông minh cài đặt và sử dụng App báo cháy.

d) Rà soát quy hoạch khu dân cư, quy hoạch chỉnh trang đô thị, quy hoạch giải tỏa để có biện pháp, giải pháp hạn chế nguy cơ cháy, nổ; giải quyết dứt điểm việc coi nói, chiếm dụng lối đi chung, cản trở đường giao thông và lối thoát nạn; việc cầu, mắc đường dây dẫn điện, viễn thông không đảm bảo an toàn theo quy định; đồng thời gắn với quy hoạch về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, quỹ đất... phục vụ công tác chữa cháy, CNCH.

đ) Tổ chức Hội thao nghiệp vụ chữa cháy và CNCH của lực lượng PCCC cơ sở, dân phòng và tổ liên gia an toàn PCCC cấp xã năm 2026. Thành lập đội tuyển tập luyện và tham gia Hội thao cấp tỉnh; tổ chức diễn tập tối thiểu 01 phương án chữa cháy và CNCH có huy động nhiều lực lượng, phương tiện tham gia ở quy mô cấp xã; tổ chức tuyên truyền trải nghiệm, thực hành, kỹ năng về PCCC và CNCH đồng loạt 01 lần/tháng (vào các ngày thứ 7, chủ nhật tuần thứ hai trong tháng) trên địa bàn.

e) Hướng dẫn, yêu cầu các cơ sở thuộc Phụ lục I Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ trang bị, duy trì hoạt động và tự chi trả chi phí duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy, cập nhật dữ liệu về PCCC và CNCH và kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC và CNCH và truyền tin báo cháy theo quy định. Năm 2026, yêu cầu 65% - 70% số cơ sở thuộc diện quản lý phải lắp đặt thiết bị truyền tin báo cháy.

g) Chủ động cân đối, bố trí nguồn ngân sách cấp xã, phường để triển khai thực hiện công tác PCCC và CNCH trên địa bàn năm 2026 theo quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách.

h) Tổ chức rà soát, thống kê và lập danh sách các khu dân cư, danh sách nhà ở các hộ gia đình thuộc khu dân cư trên địa bàn quản lý chưa bảo đảm hạ tầng kỹ thuật về giao thông và nguồn nước phục vụ công tác chữa cháy. Kiểm tra, rà soát các khu vực có diện tích, không gian công cộng, giao thông đang bị lấn chiếm trái phép ảnh hưởng đến công tác chữa cháy và CNCH; xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm, buộc khắc phục lại tình trạng ban đầu. Tại các khu dân cư, vận động, yêu cầu các hộ gia đình trả lại diện tích đất, các không gian lấn chiếm hiện đang làm cản trở các hoạt động chữa cháy và CNCH.

13. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị lực lượng vũ trang; Chủ tịch UBND các xã, phường; đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ đạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị xong trước ngày 16 tháng 01 năm 2026 và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chỉ thị trước ngày 10 tháng 12 năm 2026 gửi về Công an tỉnh để tổng hợp.

14. Giao Công an tỉnh chủ trì giúp Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc và tổng hợp tình hình, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện Chỉ thị này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com